

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tiếng Anh chuyên ngành luật 1
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Legal English 1
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011251
1.6 Số tín chỉ:	02
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	60
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/ Khoa Kinh tế- Luật
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Tiếng Anh tổng quát 1, 2
- Học phần song hành:	Không có

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Tiếng Anh chuyên ngành luật học phần 1 là phần đầu của Chương trình tiếng Anh chuyên ngành luật, được xây dựng dành cho sinh viên cử nhân Luật Kinh tế, chuyên ngành Luật Đầu tư- Kinh doanh. Học phần này bao gồm: tiếng Anh về các lĩnh vực khác nhau: hệ thống pháp luật, ngành luật, nghề luật, hệ thống tòa án, luật hình sự, luật dân sự; đọc hiểu các văn bản liên quan đến pháp luật như bài báo, thư tín chuyên ngành luật; nghe hiểu các chủ đề pháp luật thông qua các bài giảng, thuyết trình, phỏng vấn hay thảo luận; viết các loại văn bản pháp lý thông dụng như: thư, memo...; tăng cường kỹ năng nói qua các hoạt động như đóng vai (role- play) giữa khách hàng

và luật sư, phỏng vấn hay thảo luận với đồng nghiệp, sinh viên về các tình huống pháp lý trong thực tế.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Học phần nhằm cung cấp kiến thức tiếng Anh pháp lý cơ bản nhằm tạo nền tảng để sinh viên học những học phần tiếng Anh chuyên ngành luật tiếp theo. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong thực hành nghề luật. Ngoài ra, học phần này còn rèn cho sinh viên khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần tự học. Đồng thời, các kiến thức ngữ pháp cơ bản thường dùng trong các văn bản pháp luật được củng cố sau mỗi bài học, thông qua các bài tập thực hành.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Vận dụng và phân tích được những kiến thức tiếng Anh pháp lý để thực hiện cơ bản các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực pháp luật về đầu tư - kinh doanh.
CLO2	Phân tích được các tài liệu pháp luật cơ bản bằng tiếng Anh.
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học cho việc học tiếng Anh pháp lý 2 và các môn học chuyên ngành bằng tiếng Anh
CLO4	Ứng dụng tiếng Anh vào thuyết trình, báo cáo chủ đề pháp lý đơn giản và đánh giá được sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn
CLO5	Xây dựng khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tự học

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1						R				
CLO 2						M				
CLO 3						R				
CLO 4								M		
CLO 5										A
Tổng hợp học phần						M		M		A

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Tuần 1: (5 tiết) Từ: Đến...	Part 01 - Unit 1: Legal systems (PEIU - L)	1	2			14	Thuyết giảng, Thảo luận	- Chuẩn bị tài liệu học tập - Tra cứu từ vựng bài mới
	Part 02 - Unit 1: A career in law (IILE)	1	1				Thuyết giảng, Thảo luận	- Ôn từ vựng bài cũ - Chuẩn bị bài tập cá nhân - Tra cứu từ vựng bài mới
Tuần	Part 03	2	3			14	Thuyết	- Ôn tập

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
2: (5 tiết) Từ: Đến...	- Unit 2: Sources of law: Legislation (PEIU - L)						giảng, Thảo luận	bài cũ - Chuẩn bị bài tập cá nhân - Soạn từ vựng bài mới
Tuần 3: (5 tiết) Từ: Đến...	Part 04 Unit 2: Contract law (IILE)	2	3			14	Thuyết giảng. Thảo luận	- Ôn tập bài cũ - Chuẩn bị bài tập cá nhân - Soạn từ vựng bài mới
Tuần 4: (5 tiết) Từ: Đến...	Part 05 - Unit 4: The court system (PEIU - L)	2	3			14	Thuyết giảng. Thảo luận, Thuyết trình nhóm	- Ôn tập bài cũ - Chuẩn bị bài tập cá nhân - Soạn từ vựng bài mới
Tuần 5 (5 tiết) Từ:	Part 06 - Unit3: Tort law (IILE)	2	1				Thuyết giảng. Thảo luận	- Ôn tập bài cũ - Chuẩn bị bài tập cá nhân - Soạn từ vựng bài

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy – học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học		
Đến...						14		mới
	Part 07 - Unit 4: Criminal law (IILE)	1	1				Thuyết giảng. Thảo luận	- Ôn tập bài cũ - Chuẩn bị bài tập cá nhân - Soạn từ vựng bài mới
Tuần 6 (5 tiết) Từ: Đến...	Part 08 - Unit 9: Solicitors (PEIU - L) - Thuyết trình nhóm	2	1			14	Thuyết giảng. Thảo luận Thuyết trình nhóm	- Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm và phản biện
	Kiểm tra quá trình, Ôn tập thi	2					Thuyết giảng. Thảo luận	- Ôn tập lại các nội dung đã học - Nộp bài tập cá nhân - Soạn các câu hỏi thắc mắc
	Tổng	15	15			70		

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính

(1) Firth, M., & Krois-Lindner, A. (2008). *Introduction to International Legal English: A Course for Classroom or Self-study Use. Student's Book;[Buch]*. Cambridge University Press.

(3) Brown, G. D., & Rice, S. (2007). *Professional English in Use Law*. Cambridge University Press.

(4) Walenn, J. (2009). *English for law in higher education studies:[upper intermediate]. Upper intermediate to proficiency: Course book*. Garnet Publish

6.2 Tài liệu tham khảo

(1) Brown, G. D., & Rice, S. (2007). *Professional English in Use Law*. Cambridge University Press.

(2) Garner, B. A. (2013). *Legal writing in plain English: A text with exercises*. University of Chicago Press.

(3) Wojcik, M. E. (1998). *Introduction to legal English: An introduction to legal terminology, reasoning, and writing in plain English*. International Law Institute.

(4) McKay, W. R., & Charlton, H. E. (2005). *Legal English: How to understand and master the language of Law*. Pearson Education.

(5) Williams, C. (2018). Legal drafting. *Handbook of communication in the legal sphere [Handbooks of Applied Linguistics 14]*, 13-35.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: 40%

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần: Sinh viên đi học thường xuyên, vắng quá số buổi học đã quy định sẽ bị trừ điểm chuyên cần	- Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	CLO2 CLO4 CLO5	10%
2	Bài tập cá nhân: - Hình thức: Bán trắc nghiệm. - Bài kiểm tra được viết hoàn toàn bằng tiếng Anh với các	- Đánh giá được mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của từng sinh viên	CLO1 CLO2 CLO5	20%

	hướng dẫn làm bài trong quá trình học tập môn học, đồng thời nhằm giúp các em làm quen với các hướng dẫn làm bài trong bài thi hết môn. • Nội dung: kiến thức đã học ở các tuần trước đó. • Thời gian: 45 phút • Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra.			
3	Bài tập nhóm: *Hình thức: Mỗi nhóm (3-5 sinh viên) thuyết trình về chủ đề đã chọn, sau đó trả lời những câu hỏi của giáo viên và các bạn cùng lớp. Bài thuyết trình được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Anh. *Tiêu chí đánh giá: nội dung thuyết trình, mức độ trôi chảy, chính xác của việc sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình và mức độ tham gia, hợp tác của sinh viên trong nhóm - Nội dung: kiến thức đã học trong các tuần trước đó. - Thời gian: Mỗi nhóm thuyết trình trong 15 phút - Thang điểm: đánh giá thể hiện trong phiếu đánh giá	- Đánh giá tinh thần chủ động, tích cực của sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin, kiến thức liên quan đến học phần. - Đánh giá kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng công nghệ và vận dụng các công cụ hỗ trợ để chuyển tải nội dung môn học. - Đánh giá được tri thức của sinh viên thông qua quá trình chuẩn bị, các kỹ năng chuyên môn và tổ chức cá nhân được phối hợp.	CLO3 CLO4 CLO5	20%
4	Kiểm tra giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 60 phút bằng hình thức trắc nghiệm, nội dung từ chương 1 đến chương 5.	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng câu hỏi cụ thể.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	50%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: 60%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CĐR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Trắc nghiệm khách quan - Nội dung: Gồm các nội dung của các tuần học. - Đề thi gồm 60 câu hỏi trắc nghiệm về các kiến thức ngữ pháp, từ vựng và đọc hiểu, và viết. - Thời gian: 75 phút	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các điểm ngữ pháp, từ vựng đọc hiểu và viết tiếng anh chuyên ngành luật.	CLO1 CLO2	70%
	Đánh giá về kỹ năng: • Đọc lướt nắm nội dung • Giải quyết câu hỏi từ vựng • Xử lý các câu hỏi thông tin trong bài • Làm các câu hỏi nội dung	CLO3 CLO4	15%
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; có khả năng vận dụng những tiếng anh pháp lý đã học để trả lời các câu hỏi về học thuật và tình huống. Đánh giá tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ tiếng anh, đáp ứng yêu cầu cao về ngoại ngữ trong hành nghề luật.	CLO5	15%
	Tổng		100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham dự thảo luận, phản biện nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Không nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học, tuân thủ đúng quy định của lớp học.

8.3 Quy định về học vụ

Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần.

Sinh viên không tham gia bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này.

Sinh viên không tham dự kì thi cuối kì bị coi là không hoàn thành học phần.

9. HOLISTIC RUBRIC

Bảng 01. Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO 1 CLO 3 CLO 5	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

Bảng 02. Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO 3 CLO 4	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO 1 CLO 2 CLO 3	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả

			bộ, nhiều lỗi chính tả.			
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO 1 CLO 3 CLO 4	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO 3 CLO 4 CLO 5	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO 1 CLO 2	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

Bảng 03. Rubric đánh giá bài kiểm tra quá trình hoặc thi cuối kỳ (trắc nghiệm)

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ nhớ, hiểu (dễ)	CLO 1 CLO 2	25%	Trả lời đúng dưới 50% số lượng câu hỏi trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số lượng câu hỏi trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số lượng câu hỏi trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số lượng câu hỏi trong bài thi.
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ vận dụng (trung bình)	CLO 1 CLO 2 CLO 4	35%				
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ phân tích (khó)	CLO 3 CLO 4	30%				
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ đánh giá (rất khó)	CLO 3 CLO 4	10%				

Bảng 04. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
Nội dung 1: Chọn	CLO 1	20%	Trả lời	Trả lời	Trả lời	Trả lời đúng

đúng chủ đề về pháp luật.	CLO 2		đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Nội dung 2: Soạn từ vựng và dịch thuật phù hợp.	CLO 3 CLO 4	50%				
Nội dung 3: Hình thức trình bày sạch đẹp, đúng yêu cầu.	CLO 1 CLO 5	30%				

Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO2	10%					
CLO3	30%					
CLO4	30%					
CLO5	20%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

TUQ. Hiệu trưởng
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

Phan Thị Hằng Nga

Tô Thị Đông Hà